

Số: /KH-UBND

Nam Đồng, ngày tháng 03 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai, thực hiện Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Điều chỉnh, bổ sung theo Thông báo số 02-TB/BĐC ngày 19/03/2026 của BCD phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số)

Thực hiện Công văn số 2920/VP-VX ngày 20/03/2026 về việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chỉ tiêu, nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng.

Thực hiện Công văn số 1061/SKH-CN-QLCL ngày 25/03/2026 về việc báo cáo, rà soát, điều chỉnh, bổ sung, đăng ký danh mục công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược.

Căn cứ Chương trình số 01-CTr/BCĐ, ngày 09/01/2026 của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thành phố Hải Phòng; Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 04/11/2025 của UBND phường Nam Đồng về triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Thực hiện Thông báo số 02-TB/BĐC ngày 19/03/2026 của BCD phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Ủy ban nhân dân phường Nam Đồng xây dựng kế hoạch triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng nhiệm vụ được giao, với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu tổng quát

a) Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện đồng bộ, quyết liệt các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra, gắn phát triển khoa học, công nghệ (KH-CN), đổi mới sáng tạo (ĐMST) và chuyển đổi số (CĐS) với tăng trưởng GRDP, năng suất lao động, hiệu quả quản trị đô thị, chất lượng cung cấp dịch vụ công và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

b) Tạo chuyên biến rõ rệt về chuyển đổi số liên thông, đồng bộ trong toàn hệ thống chính trị; đẩy mạnh chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực kinh tế trọng điểm, nhất là công nghiệp chế biến, chế tạo, cảng biển và logistics, tập trung vào các khâu then chốt nhằm nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí, rút ngắn thời gian xử lý, nâng cao chất lượng dịch vụ và mở rộng thị trường của doanh nghiệp.

c) Ưu tiên nguồn lực phát triển, ứng dụng một số công nghệ chiến lược như bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, mạng di động thế hệ thứ năm, robot, năng lượng, vật liệu tiên tiến và các công nghệ liên quan, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và từng bước tăng cường năng lực tự chủ công nghệ của phường trong trung hạn, dài hạn.

d) Thúc đẩy phát triển KHCN và ĐMST theo hướng gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu, ứng dụng và thị trường; phát huy hiệu quả hợp tác “3 Nhà” giữa Nhà nước - nhà trường - doanh nghiệp; đẩy mạnh thương mại hóa kết quả nghiên cứu, hình thành doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; phát triển đô thị thông minh, trung tâm đổi mới sáng tạo theo hướng có sản phẩm cụ thể, kết quả rõ ràng và khả năng nhân rộng trong thực tiễn.

1.2. Một số mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về chuyển đổi số quốc gia

(1) Về hạ tầng số:

- Mở rộng phủ sóng 5G đạt 95% dân số, bảo đảm chất lượng dịch vụ; ưu tiên phủ sóng khu vực sản xuất, khu công nghiệp.

- Bảo đảm điều kiện tối thiểu phục vụ CDS ở phường: 100% cán bộ, công chức có máy tính đáp ứng cấu hình, an toàn, an ninh mạng và có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử.

(2) Về số hóa, dữ liệu, nền tảng số

- Bảo đảm 100% hồ sơ công việc tại phường được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ (dùng cho cá nhân, tổ chức) để giải quyết công việc.

- Kết nối, liên thông hệ thống thông tin phục vụ hoạt động, điều hành (hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc, thông tin báo cáo, họp trực tuyến, ...) và các quy trình lõi của hệ thống chính trị được số hóa.

(3) Về thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến

- Bảo đảm cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính (TTHC) đủ điều kiện.

- Tỷ lệ TTHC cung cấp dịch vụ công (DVC) trực tuyến và Tỷ lệ TTHC cung cấp DVC trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC đạt tối thiểu lần lượt là 100% và 70%.

- Tối thiểu 90% hồ sơ TTHC được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần.

- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 95%.

- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu số hóa đạt 95%.

- 100% TTHC được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp thành phố; 100% TTHC liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch.

- Thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước đạt từ 80% trở lên.

- Duy trì tỷ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng DVC trực tuyến đạt 95%.

(4) Về nhân lực và năng lực thực thi công vụ trên môi trường số

- Bảo đảm nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyên đổi số tại các cơ quan, đơn vị theo quy định; 100% cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản gắn với vị trí việc làm; củng cố mô hình vận hành và điều kiện hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công bảo đảm liên tục.

- Tỷ lệ cán bộ phụ trách về công nghệ thông tin, chuyên đổi số của địa phương được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản đạt 50%.

1.2.2. Về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

(1) Đổi mới cơ chế đặt hàng và đưa kết quả vào sử dụng thực tế: 100% nhiệm vụ có kế hoạch triển khai ứng dụng/thương mại hóa và chỉ tiêu đo lường (hiệu quả, phạm vi áp dụng, thời hạn đưa vào sử dụng) kèm cơ chế theo dõi sau nghiệm thu.

(2) Trách nhiệm triển khai theo ngành để bảo đảm tính lan tỏa và đo lường được: Nghiên cứu, lựa chọn từ 3-5 vấn đề lớn để tập trung giải quyết thúc đẩy phát triển KHCN, ĐMST, CDS trong phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực. Mỗi vấn đề phải có: (i) bài toán; (ii) sản phẩm đầu ra; (iii) chỉ tiêu đo lường; (iv) đơn vị tiếp nhận/ứng dụng; (v) mốc hoàn thành.

(3) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và thị trường KHCN

- Nâng chất lượng hoạt động đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp, gắn trực tiếp với bài toán của doanh nghiệp và địa phương; ưu tiên mô hình có doanh thu dịch vụ/đầu tư tư nhân.

- Đẩy mạnh bảo hộ, khai thác tài sản trí tuệ từ kết quả nghiên cứu; yêu cầu mỗi nhiệm vụ trọng điểm có kế hoạch quản trị tài sản trí tuệ và phương án khai thác sau nghiệm thu.

(4) Số hóa, minh bạch hóa quản trị nhiệm vụ khoa học, công nghệ

- 100% thông tin kết quả và tài chính của nhiệm vụ (phần được công khai theo quy định) được minh bạch hóa trên nền tảng số; bảo đảm lưu vết, ký số, đối soát tiên độ, giải ngân, sản phẩm.

- Tối thiểu 90% nhiệm vụ thực hiện cập nhật tiến độ định kỳ hằng tháng; chậm cập nhật/không đủ dữ liệu bị đưa vào diện cảnh báo.

2. Yêu cầu

a) Bám sát định hướng, nội dung và yêu cầu của Chương trình của Ban Chỉ đạo; xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm, bảo đảm tập trung nguồn lực, tránh dàn trải, chồng chéo.

b) Phân công cụ thể trách nhiệm của từng đơn vị, gắn với tiến độ thực hiện và sản phẩm đầu ra rõ ràng. Tăng cường công tác theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện trên cơ sở dữ liệu và kết quả thực chất, làm căn cứ điều hành và đánh giá trách nhiệm của người đứng đầu.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Nhiệm vụ chung

1.1. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW, kịp thời rà soát, ban hành/tham mưu ban hành đầy đủ các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản khác có liên quan của Trung ương.

1.2. Tăng cường quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch hành động của Thành ủy; lãnh đạo việc thể chế hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách về phát triển khoa học, công nghệ, và chuyển đổi số, nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành và cá nhân.

1.3. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và Nghị quyết số 57-NQ/TW; theo dõi, đôn đốc khắc phục hạn chế, khuyết điểm; chú trọng bố trí, sử dụng cán bộ có năng lực, chuyên môn khoa học – công nghệ vào các vị trí lãnh đạo, quản lý và cấp ủy các cấp.

1.4. Xây dựng chính quyền số minh bạch, hiệu quả; đơn giản hóa thủ tục hành chính thông qua khai thác dữ liệu số; ứng dụng AI, Big Data, viễn thám, GIS trong cung cấp dịch vụ công và quản lý, điều hành; bảo đảm kết nối Đề án 06, an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

1.5. Khuyến khích doanh nghiệp vừa và nhỏ chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ trong sản xuất, kinh doanh; kết hợp chuyển đổi số với chuyển đổi xanh nhằm giảm phát thải, bảo vệ môi trường; triển khai các giải pháp quản lý thông minh trong giao thông, năng lượng và tài nguyên.

1.6. Đẩy mạnh phổ cập kỹ năng số cho người dân, nhất là nhóm yếu thế; phát triển, trọng dụng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; triển khai sâu rộng phong trào “Bình dân học vụ số”, “học tập số” nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng số cho cán bộ và nhân dân.

1.7. Triển khai nghiêm túc, hiệu quả Quyết định số 204-QĐ/TW và Kế hoạch số 447-KH/TU; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, quản lý, điều hành, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

1.8. Thu hút, khuyến khích doanh nghiệp trong và ngoài thành phố tham gia phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tăng cường hợp tác quốc tế, khu vực, mở rộng liên kết, tiếp nhận tri thức và công nghệ tiên tiến phục vụ phát triển của thành phố.

1.9. Tập trung tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm mang tính đột phá nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

1.10. Thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững; đẩy mạnh xây dựng chính quyền số, đô thị thông minh thông qua ứng dụng công nghệ thông tin, nền tảng Smart Hải Phòng và các giải pháp chuyển đổi số trong lãnh đạo, điều hành.

2. Nhiệm vụ cụ thể

Nhằm thực hiện hiệu quả, đạt được mục tiêu chung trong tổ chức thực hiện Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thành phố, Ủy ban nhân dân phường xác định các mục tiêu trọng tâm và phân công nhiệm vụ cho các phòng ban để tổ chức triển khai thực hiện (*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng HĐND&UBND phường

- Triển khai phần mềm quản lý, số hóa hồ sơ, dữ liệu quản lý;
- Phối hợp theo dõi, tổng hợp, báo cáo tiến độ thực hiện; đề xuất đầu tư, mua sắm trang thiết bị CNTT phục vụ chuyển đổi số nội bộ.

2. Phòng Văn hóa – Xã hội phường

- Tham mưu ban hành kế hoạch chuyển đổi số phù hợp thực tiễn
- Chủ trì, tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các bộ phận chuyên môn, phối hợp với các ban ngành đoàn thể trong quá trình thực hiện Kế hoạch.
- Thực hiện công tác tuyên truyền trên các nền tảng hệ thống truyền thanh cơ sở, bảng tin, trang thông tin điện tử phường tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân tiếp cận chuyển đổi số.

3. Trung tâm phục vụ Hành chính công

- Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính theo hướng công khai, minh bạch, giảm thời gian giải quyết; tham mưu cải tiến quy trình giải quyết TTHC.
- Đẩy mạnh cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng Cổng Dịch vụ công quốc gia, VNeID, thanh toán không dùng tiền mặt và tra cứu thông tin.
- Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, xây dựng cơ sở dữ liệu TTHC điện tử đồng bộ; ứng dụng phần mềm một cửa điện tử liên thông trong tiếp nhận, xử lý và giám sát hồ sơ.

- Nâng cao chất lượng phục vụ, tổ chức hỗ trợ công dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến; triển khai đánh giá sự hài lòng và đề xuất giải pháp nâng cao trách nhiệm, kỹ năng số, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức.

4. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị

- Tham mưu xây dựng, triển khai mô hình kinh tế số, trọng tâm trong nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại – dịch vụ trên địa bàn phường.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh, như nông nghiệp thông minh, tự động hóa, truy xuất nguồn gốc, cảm biến trong trồng trọt, chăn nuôi.

- Hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm trên môi trường số, phối hợp tập huấn kỹ năng sử dụng sàn thương mại điện tử; xây dựng mã QR, tem nhãn điện tử cho sản phẩm nông nghiệp, OCOP.

- Phát triển thương mại – dịch vụ gắn với chuyển đổi số, khuyến khích ứng dụng phần mềm quản lý bán hàng, bán hàng online; định hướng chợ truyền thống kết hợp thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt.

5. Các ban ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội

- Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia chuyển đổi số, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán điện tử và ứng dụng số trong đời sống, sản xuất; phát huy vai trò của các đoàn thể chính trị – xã hội ở cơ sở.

- Tham gia giám sát, phản biện xã hội việc thực hiện chuyển đổi số, bảo đảm quyền lợi của người dân, tính công khai, minh bạch và kịp thời phản ánh khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

- Triển khai các mô hình, hoạt động hỗ trợ chuyển đổi số theo từng đối tượng, như nông nghiệp số, truy xuất nguồn gốc (Hội Nông dân); tình nguyện hỗ trợ cài đặt, sử dụng VNeID, dịch vụ công, thanh toán điện tử (Đoàn Thanh niên); thương mại điện tử, tài chính số cho phụ nữ (Hội Liên hiệp Phụ nữ).

- Phát huy vai trò nêu gương, lan tỏa trong cộng đồng, đặc biệt của Hội Cựu chiến binh và các đoàn thể trong học tập suốt đời, tiếp cận công nghệ số, góp phần nâng cao nhận thức và hiệu quả chuyển đổi số tại khu dân cư.

6. Các trường học, Trạm Y tế và các đơn vị đóng trên địa bàn phường

6.1. Các trường học

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong giáo dục, triển khai học bạ điện tử, sổ điểm điện tử, phần mềm quản lý trường học; thực hiện kiểm tra, đánh giá học sinh trên môi trường số, bảo đảm kết nối đồng bộ với hệ thống ngành giáo dục.

- Tăng cường giáo dục kỹ năng số và đổi mới sáng tạo cho học sinh, thông qua hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ Tin học, các cuộc thi tìm hiểu về chuyển đổi số, khởi nghiệp sáng tạo và khai thác tài nguyên giáo dục mở.

- Phối hợp tuyên truyền chuyển đổi số trong nhà trường, gắn với gia đình và cộng đồng; hướng dẫn học sinh, phụ huynh sử dụng VNeID và các dịch vụ công trực tuyến cơ bản.

6.2. Các đơn vị, doanh nghiệp, cơ quan trên địa bàn

- Chủ động triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chữ ký số, văn bản điện tử, phần mềm quản lý nội bộ... trong đơn vị mình. Phối hợp cung cấp dữ liệu liên quan (nếu có) phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung của phường.

- Tập huấn sử dụng công nghệ số cho người dân, hộ sản xuất, hỗ trợ tem QR, gian hàng số, thương mại điện tử cho hộ kinh doanh, nông dân, phối hợp tuyên truyền trong nội bộ đơn vị và cộng đồng dân cư về chủ trương, chính sách chuyển đổi số, sử dụng dịch vụ công.

6.3. Trạm Y tế phường

- Ứng dụng công nghệ số trong quản lý y tế, triển khai phần mềm quản lý khám, chữa bệnh và hồ sơ sức khỏe điện tử; bảo đảm mỗi người dân có mã định danh y tế thống nhất.

- Thực hiện số hóa, kết nối dữ liệu y tế, nhập liệu đầy đủ thông tin khám, chữa bệnh; kết nối, liên thông với hệ thống y tế cấp trên; khuyến khích người dân sử dụng sổ khám bệnh điện tử, theo dõi lịch sử điều trị trực tuyến.

- Đẩy mạnh truyền thông y tế số, phối hợp tuyên truyền, phổ biến kiến thức chăm sóc sức khỏe qua nền tảng số; cung cấp tài liệu, video hướng dẫn phòng bệnh, nâng cao ý thức chăm sóc sức khỏe chủ động cho người dân.

7. Cơ quan Công an, Quân sự

7.1. Công an phường

- Triển khai hiệu quả Đề án 06, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; tăng cường cấp, hướng dẫn sử dụng tài khoản định danh điện tử (VNeID); ứng dụng phần mềm quản lý cư trú, ANTT, camera an ninh.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản lý an ninh, trật tự, phục vụ công tác phòng, chống tội phạm và quản lý địa bàn.

- Tăng cường tuyên truyền, bảo đảm an ninh mạng, phối hợp đoàn thể, trường học hướng dẫn người dân bảo mật thông tin, phòng chống lừa đảo công nghệ cao và sử dụng các ứng dụng của lực lượng Công an.

7.2. Ban Chỉ huy Quân sự phường

- Ứng dụng công nghệ số trong công tác quân sự, quốc phòng, quản lý lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, hồ sơ quân nhân và kế hoạch huấn luyện.

- Thực hiện số hóa, quản lý hồ sơ nghĩa vụ quân sự, từng bước sử dụng phần mềm, hệ thống điện tử trong công tác chuyên môn.

- Phối hợp bảo đảm an ninh – quốc phòng trên không gian mạng, nắm tình hình, phòng ngừa các hoạt động lợi dụng mạng xã hội để xuyên tạc, kích động.

8. Các Tổ dân phố

- Triển khai và duy trì hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Vận động người dân sử dụng điện thoại thông minh, truy cập Internet an toàn, thực hiện giao dịch số trong đời sống như nộp tiền điện, đóng bảo hiểm, mua bán hàng online. Khuyến khích hộ sản xuất kinh doanh tại tổ dân phố tham gia sàn thương mại điện tử (Postmart, Voso...), sử dụng mã QR truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm nông nghiệp, hàng hóa địa phương.

9. Cơ chế thông tin, báo cáo, sơ kết, tổng kết

- Văn phòng HĐND&UBND phường là cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo, thực hiện tổng hợp thông tin, điều phối giữa các thành viên; duy trì kênh trao đổi, theo dõi, giám sát tiến độ triển khai kế hoạch.

- Phòng Văn hóa – Xã hội là cơ quan tham mưu chuyên môn, chịu trách nhiệm cập nhật, phân tích, đề xuất giải pháp về kỹ thuật, công nghệ, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo; phối hợp tổng hợp dữ liệu chuyên ngành theo chỉ đạo.

- Công tác sơ kết, tổng kết là căn cứ đề xuất chủ trương, chính sách giai đoạn tiếp theo và làm cơ sở đánh giá thi đua, khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Trên đây là kế hoạch triển khai, thực hiện Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn phường Nam Đồng. UBND phường yêu cầu các phòng, ban, đơn vị, các Tổ dân phố nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố Hải Phòng;
- Văn phòng UBND thành phố Hải Phòng;
- Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng;
- TT Đảng ủy, TT HĐND phường; (đề b/cáo)
- Lãnh đạo UBND phường;
- Các cơ quan, đơn vị, trường học;
- Các Tổ dân phố;
- Các DN trên địa bàn phường;
- Lưu: VT, VHXH.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đinh Thị Thu Hà

Phụ lục

PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ

(kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày 31 tháng 03 năm 2026 của UBND phường Nam Đồng)

| STT | Tên nhiệm vụ | Chủ trì chủ đạo | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Sản phẩm đầu ra | Thời gian thực hiện/ hoàn thành |
|----------|--|---|------------------------|---|-----------------|---------------------------------|
| I | Công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện | | | | | |
| 1 | Tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương, nâng cao nhận thức của cán bộ, lãnh đạo quản lý các cấp, đặc biệt là người đứng đầu về vai trò và tầm quan trọng của Nghị quyết số 57-NQ/TW và Chương trình của Thành ủy thực hiện Nghị quyết này. Triển khai sâu rộng phong trào “Bình dân học vụ số”, “học tập số”, phổ cập, nâng cao kiến thức khoa học, công nghệ, kiến thức số trong cán bộ, công chức và nhân dân. | Đồng chí Đinh Thị Thu Hà, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường | Phòng Văn hoá - Xã hội | Các phòng ban, cơ quan, đơn vị thuộc phường | Kế hoạch | Thường xuyên |
| 2 | Trực tiếp, thường xuyên sử dụng Hệ thống thông tin giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW làm công cụ thiết yếu trong chỉ đạo, điều hành để phát hiện sớm các điểm nghẽn, rủi ro. Chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao để bảo đảm tiến độ, chất lượng và kết quả thực hiện trên Hệ thống là một thước đo quan trọng để đánh giá năng lực và kết quả công tác của người đứng đầu. | Đồng chí Đinh Thị Thu Hà, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường | Phòng Văn hoá - Xã hội | Các phòng ban, cơ quan, đơn vị thuộc phường | Văn bản/Báo cáo | Thường xuyên |
| 3 | Chủ động rà soát quy trình, hạ tầng, hệ thống, dữ liệu, nhân lực, tài chính, nhất là Ủy ban nhân dân cấp xã; có phương án bảo đảm nguồn lực đáp ứng yêu cầu thực tiễn | Đồng chí Đinh Thị Thu Hà, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường | Phòng Văn hoá - Xã hội | Các phòng ban, cơ quan, đơn vị thuộc phường | Văn bản/Báo cáo | Thường xuyên |

| STT | Tên nhiệm vụ | Chủ trì chủ đạo | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Sản phẩm đầu ra | Thời gian thực hiện/ hoàn thành |
|-----------|---|---|------------------------|---|-----------------|---------------------------------|
| 4 | (1) Theo phạm vi quản lý thông qua Hệ thống pakn.nq57.vn và các kênh có liên quan kịp thời tiếp nhận, phản hồi ý kiến của tổ chức, cá nhân (người dân, doanh nghiệp, viện, trường, nhà khoa học, nhà sáng tạo...) nhằm đo lường mức độ hài lòng đối với những cơ chế, chính sách, giải pháp về phát triển KHCN, ĐMST, CDS để kịp thời điều chỉnh. (2) Chủ động báo cáo Trung ương các tư duy, sáng kiến đột phá và đặt hàng các sản phẩm cần thiết cho phát triển KHCN, ĐMST, CDS trên Hệ thống pakn.nq57.vn. | Đồng chí Đinh Thị Thu Hà, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường | Phòng Văn hoá - Xã hội | Các phòng ban, cơ quan, đơn vị thuộc phường | Văn bản/Báo cáo | Thường xuyên |
| II | Về chuyển đổi số, dữ liệu và chính quyền số | | | | | |
| 1 | Chủ động rà soát, nâng cấp và bảo đảm điều kiện tối thiểu phục vụ chuyển đổi số cấp xã: (1) đường truyền và kết nối mạng ổn định, chữ ký số cá nhân; (2) trang bị máy tính cấu hình tối thiểu và thiết bị làm việc thiết yếu chủ động rà soát bố trí kinh phí để nâng cấp, thay thế hoặc bổ sung trang thiết bị CNTT đã xuống cấp; (3) bố trí cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số phù hợp với khối lượng công việc; (4) Rà soát, nâng cấp bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Mô hình chuyển đổi số cấp xã theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ. | Đồng chí Đinh Thị Thu Hà, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường | Phòng Văn hoá - Xã hội | Các phòng ban, cơ quan, đơn vị thuộc phường | Văn bản/Báo cáo | Quý II/2026 |
| 2 | (1) Phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ cấp đầy đủ chứng thư số cho lãnh đạo và cán bộ chuyên môn của 4 khối cơ quan Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; (2) Chủ động rà soát | Đồng chí Đinh Thị Thu Hà, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường | Phòng Văn hoá - Xã hội | Các phòng ban, cơ quan, đơn vị thuộc phường | Văn bản/Báo cáo | Quý II/2026 |

| STT | Tên nhiệm vụ | Chủ trì chủ đạo | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Sản phẩm đầu ra | Thời gian thực hiện/ hoàn thành |
|-----|---|---|------------------------|---|---------------------|---------------------------------|
| | khắc phục triệt để tình trạng còn lỗi của các hệ thống thông tin. | | | | | |
| 3 | (1) Chủ động triển khai đầy đủ giải pháp bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ ngay từ khâu thiết kế, đầu tư, vận hành; ưu tiên các hệ thống nền tảng, hệ thống phục vụ thủ tục hành chính và hệ thống dữ liệu lõi. (2) Tăng cường việc gửi nhận văn bản và xử lý hồ sơ cấp độ Mật, Tối Mật qua Mạng thông tin diện rộng của cơ quan Đảng với phạm vi mở rộng theo hướng thống nhất, dùng chung cho các cơ quan trong toàn hệ thống chính trị. (3) Chỉ đạo việc tạo lập và xử lý hồ sơ, tài liệu công việc phát sinh mới thực hiện trên môi trường điện tử; (4) 100% các đơn vị gửi nhận văn bản trên môi trường điện tử có ký số; (5) Hoàn thành số hoá tài liệu lưu trữ theo chỉ đạo của Trung ương; (6) Số hóa 100% các quy trình lõi trong cá cơ quan, đơn vị để phục vụ đưa lên môi trường số; (7) Tổ chức kết nối, liên thông và vận hành đồng bộ các hệ thống thông tin phục vụ hoạt động và công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong toàn hệ thống chính trị thành phố. | Đồng chí Đinh Thị Thu Hà, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường | Phòng Văn hoá - Xã hội | Các phòng ban, cơ quan, đơn vị thuộc phường | Văn bản/ Báo cáo | Thường xuyên |
| 4 | (1) Rà soát, cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; ưu tiên cắt giảm nhóm thủ tục hành chính yêu cầu xác nhận hoặc xin xác nhận, nhóm thủ tục yêu cầu thông báo hoặc báo cáo; (2) Số hoá đầy đủ hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính để làm giàu dữ liệu và phục vụ tái sử dụng thông tin; (3) Thực | Đồng chí Đinh Thị Thu Hà, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường | Phòng Văn hoá - Xã hội | Các phòng ban, cơ quan, đơn vị thuộc phường | Văn bản/ Báo cáo | Thường xuyên |

| STT | Tên nhiệm vụ | Chủ trì chủ đạo | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Sản phẩm đầu ra | Thời gian thực hiện/ hoàn thành |
|--|--|--|-------------------------------|--|-------------------------------|---------------------------------|
| | <p>hiện nghiêm nguyên tắc chỉ cung cấp thông tin một lần; tổ chức kiểm tra, giám sát trên môi trường số; kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi yêu cầu người dân, doanh nghiệp nộp thêm giấy tờ trong trường hợp hệ thống thông tin phục vụ giải quyết thủ tục hành chính đã kết nối, khai thác, sử dụng được dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; (4) Bố trí trụ sở, trang thiết bị đầu cuối, hạ tầng mạng, phân công lãnh đạo, nhân lực; bố trí đủ nhân sự cho việc giải quyết TTHC ở cấp xã đáp ứng yêu cầu khối lượng công việc thực tế trên địa bàn.</p> | | | | | |
| III. Về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo | | | | | | |
| 1 | <p>Theo chức năng, nhiệm vụ được giao đăng ký tối thiểu 01 bài toán lớn gắn với điều kiện thực tiễn, lợi thế và dư địa tăng trưởng của địa phương (công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao; chế biến - chế tạo; du lịch; logistics; y tế; giáo dục; quản trị đô thị...); Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu đề xuất, lựa chọn tối thiểu 03 bài toán lớn để tổ chức đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để giải quyết ngay trong năm 2026.</p> | <p>Đồng chí Đinh Thị Thu Hà, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường</p> | <p>Phòng Văn hoá - Xã hội</p> | <p>Các phòng ban, cơ quan, đơn vị thuộc phường</p> | <p>Văn bản/ Báo cáo</p> | <p>Quý I/2026</p> |
| IV. Về nhân lực | | | | | | |
| 1 | <p>Chủ động rà soát, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu cho cán bộ chuyên trách về chuyên đổi số và an toàn thông tin; nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Việc đào tạo, bồi</p> | <p>Đồng chí Đinh Thị Thu Hà, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường</p> | <p>Phòng Văn hoá - Xã hội</p> | <p>Các phòng ban, cơ quan, đơn vị thuộc phường</p> | <p>Kế hoạch/ Lớp tập huấn</p> | <p>Thường xuyên</p> |

| STT | Tên nhiệm vụ | Chủ trì chủ đạo | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Sản phẩm đầu ra | Thời gian thực hiện/ hoàn thành |
|---|--|---|------------------------|---|---------------------|---|
| | dưỡng, tập huấn triển khai 100% trên Nền tảng Bình dân học vụ số quốc gia, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, giảm chi phí, đồng thời tạo thuận lợi, không làm gián đoạn công tác của người học. | | | | | |
| VI. Về hợp tác quốc tế về KHCN, ĐMST, CDS | | | | | | |
| 1 | Tăng cường hợp tác quốc tế với các viện nghiên cứu/trường đại học/địa phương của các quốc gia có trình độ KHCN tiên tiến hoặc triển khai hiệu quả các chương trình, thỏa thuận phối hợp, hợp tác trong lĩnh vực KHCN, ĐMST và CDS. Ưu tiên đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ với các quốc gia phát triển, trọng tâm vào các lĩnh vực mũi nhọn như: trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử, công nghiệp bán dẫn và năng lượng nguyên tử. | Đồng chí Đinh Thị Thu Hà, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường | Phòng Văn hoá - Xã hội | Các phòng ban, cơ quan, đơn vị thuộc phường | Văn bản/ Báo cáo | Tháng 12/2026 |
| 2 | Nghiên cứu triển khai chính sách đãi ngộ đặc thù, thu hút các chuyên gia đầu ngành theo quy định (bao gồm chuyên gia quốc tế và người Việt Nam ở nước ngoài) để dẫn dắt các dự án công nghệ chiến lược (AI, Robot, Y sinh, bán dẫn, lượng tử...). | Đồng chí Đinh Thị Thu Hà, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường | Phòng Văn hoá - Xã hội | Các phòng ban, cơ quan, đơn vị thuộc phường | Văn bản/ Báo cáo | Nhiệm vụ thường xuyên; định kỳ hàng tháng báo cáo kết quả |
| VII. An ninh, an toàn thông tin và bảo vệ thông tin bí mật nhà nước. | | | | | | |
| 1 | Quán triệt nguyên tắc "An ninh mạng là điều kiện tiên quyết của chuyển đổi số". Chủ động triển khai đầy đủ giải pháp bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ ngay từ khâu thiết kế, đầu tư, vận hành; ưu tiên các | Đồng chí Đinh Thị Thu Hà, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường | Phòng Văn hoá - Xã hội | Các phòng ban, cơ quan, đơn vị thuộc phường | Văn bản/ Báo cáo | Nhiệm vụ thường xuyên; định kỳ hàng |

| STT | Tên nhiệm vụ | Chủ trì chủ đạo | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Sản phẩm đầu ra | Thời gian thực hiện/ hoàn thành |
|-----|--|---|------------------------|---|---------------------|---------------------------------|
| | hệ thống nền tảng, hệ thống phục vụ thủ tục hành chính và hệ thống dữ liệu lõi. | | | | | tháng báo cáo kết quả |
| 2 | Rà soát, đánh giá và củng cố lại Hệ thống giám sát an ninh mạng của thành phố; Thực hiện công tác giám sát, điều phối ứng phó xử lý sự cố tại địa phương. | Đồng chí Đinh Thị Thu Hà, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường | Phòng Văn hoá - Xã hội | Các phòng ban, cơ quan, đơn vị thuộc phường | Văn bản/ Báo cáo | Tháng 3/2026 |
| 3 | Phối hợp với các cơ quan liên quan để tổ chức thẩm định, phê duyệt cấp độ đối với toàn bộ các hệ thống thông tin trọng yếu do mình trực tiếp quản lý, vận hành. Đối với hạ tầng và các hệ thống thông tin đang xây dựng hoặc sẽ triển khai trong thời gian tới, yêu cầu bắt buộc phải thực hiện phê duyệt cấp độ an toàn thông tin trước khi đưa vào vận hành chính thức. Đối với các hệ thống thông tin và hạ tầng hiện đang sử dụng, cần khẩn trương rà soát, đánh giá và thực hiện phê duyệt cấp độ an toàn thông tin theo đúng quy định. | Đồng chí Đinh Thị Thu Hà, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường | Phòng Văn hoá - Xã hội | Các phòng ban, cơ quan, đơn vị thuộc phường | Văn bản/ Báo cáo | Tháng 4/2026 |
| 4 | Thực hiện báo cáo về sự cố trong vòng 24 giờ nếu xảy ra và tuân theo sự điều phối ứng phó sự cố của lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng Bộ Công an theo quy định. | Đồng chí Đinh Thị Thu Hà, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường | Phòng Văn hoá - Xã hội | Các phòng ban, cơ quan, đơn vị thuộc phường | Văn bản/ Báo cáo | Thường xuyên |
| 5 | Triển khai tổng thể các giải pháp giám sát, bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an ninh dữ liệu cho các hệ thống thông tin trong phạm vi quản lý. | Đồng chí Đinh Thị Thu Hà, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường | Phòng Văn hoá - Xã hội | Các phòng ban, cơ quan, đơn vị thuộc phường | Văn bản/ Báo cáo | Tháng 4/2026 |

| STT | Tên nhiệm vụ | Chủ trì chủ đạo | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Sản phẩm đầu ra | Thời gian thực hiện/ hoàn thành |
|--|---|---|------------------------|---|---------------------|---------------------------------|
| 6 | Triển khai mô hình bảo đảm an toàn thông tin "4 lớp" gồm: (1) Lực lượng tại chỗ chịu trách nhiệm vận hành, giám sát và ứng cứu ban đầu khi sự cố xảy ra. (2) Hệ thống hoặc dịch vụ giám sát 24/7, giúp phát hiện sớm các nguy cơ. (3) Đơn vị độc lập thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ để đảm bảo khách quan và minh bạch. (4) Kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát an ninh mạng quốc gia, bảo đảm sự phối hợp liên thông trên phạm vi toàn quốc (trừ các hệ thống thông tin quân sự, quốc phòng, cơ yếu). | Đồng chí Đinh Thị Thu Hà, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường | Phòng Văn hoá - Xã hội | Các phòng ban, cơ quan, đơn vị thuộc phường | Văn bản/ Báo cáo | Tháng 4/2026 |
| VIII. Về tài chính, kinh phí cho KHCN, ĐMST, CDS. | | | | | | |
| 1 | Triển khai thực chất và giải ngân theo đúng tiến độ công việc, không để chậm trễ, ảnh hưởng đến mục tiêu, tiến độ chung của Nghị quyết số 57- NQ/TW. | Đồng chí Đinh Thị Thu Hà, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường | Phòng Văn hoá - Xã hội | Các phòng ban, cơ quan, đơn vị thuộc phường | Văn bản/ Báo cáo | Tháng 12/2026 |
| 2 | Đăng ký kinh phí cho KHCN, ĐMST, CDS phù hợp với tình hình thực tiễn và kế hoạch hoạt động của mình theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ và Sở Tài chính. | Đồng chí Đinh Thị Thu Hà, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường | Phòng Văn hoá - Xã hội | Các phòng ban, cơ quan, đơn vị thuộc phường | Văn bản/ Báo cáo | Tháng 12/2026 |